TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 73/2024/HS-ST
Ngày 16-4-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:* Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/HSST-QĐ ngày 02/4/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng S, sinh năm 1998 tại Đắk Lắk; địa chỉ thường trú: Thôn B, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng H và bà Hồ Thị L; bị cáo có vợ (đã ly hôn); có một con sinh ngày 24/3/2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/10/2023 đến ngày 21/10/2023 chuyển sang biện pháp tạm giam đến ngày 10/12/2023 được trả tự do; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Lý Thị Phương L1, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: Thôn E, xã T, huyện C, Đắk Nông. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: Số I khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn B, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ tạm trú: Số I khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

3 Ông Nguyễn Cao C, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đặk Nông. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Hoàng Anh T1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng S và bà Lý Thị Phương L1 chung sống với nhau như vợ chồng tại ki ốt số 02 nhà trọ Nguyễn Văn S1 thuộc khu phố T, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, Bình Dương.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 28/11/2018, S hỏi mượn bà L1 xe mô tô biển số 48D1 – 251.84 để đi công việc và hẹn chiều sẽ trả lại thì bà L1 đồng ý và nhờ S chở bà L1 đến quán karaoke "C" gần khu vực chợ T3, phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương để làm việc. Sau khi được bà L1 giao xe mô tô 48D1 – 251.84 lúc này bạn của S gọi điện thoại rủ S đi uống bia. Do không có tiền đi uống bia nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của bà L1 cầm cố lấy tiền để uống bia cùng với bạn. Thực hiện ý định, S điều khiển xe mô tô 48D1 – 251.84 đi về nhà trọ gặp ông Hoàng Anh T1 là người ở đối diện phòng trọ của S. S hỏi T1 biết chỗ nào cầm xe giá rẻ. T1 nói biết và T1 cùng S đến tiệm C1 thuộc khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Thế T làm chủ.

Tại đây T1 và S gặp bà Nguyễn Thị H1, là vợ của ông T. S hỏi bà H1 cầm hết giá xe thì được bao nhiêu tiền, bà H1 kiểm tra xe xong do xe không có giấy chứng nhận đăng ký xe nên không đồng ý cầm xe. Lúc này do T1 có quen biết với bà H1 nên nói với bà H1 bảo lãnh cho S cầm xe, đồng thời S giao chứng minh nhân dân của S cho bà H1 thì bà H1 đồng ý cho S cầm xe mô tô biển số 48D1 – 251.84 với số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi có tiền S đi uống bia cùng với T2 (không rõ nhân thân lai lịch). Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, S về đến phòng trọ, bà L1 hỏi xe đâu, S trả lời cho T1 mượn xe do T1 không đội mũ bảo hiểm nên Công an phường T yêu cầu dừng xe để kiểm tra, qua kiểm tra không có giấy tờ xe nên đã bị Công an tạm giữ xe. Đồng thời S nói với bà L1 đưa S giấy chứng nhận đăng ký xe để ngày mai S đến Công an phường T đóng phạt lấy xe về. Chiều ngày 29/11/2018, bà L1 đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 48D1 – 251.84 cho S. Đến sáng ngày 30/11/2023, S nhờ T1 chở đến tiệm cầm đồ "Mạnh Hùng". Tại đây S gặp bà H1, S đưa giấy đăng ký xe mô tô 48D1 – 251.84 để được lấy thêm tiền cầm cố xe mô tô 48D1 – 251.84. Bà H1 kiểm tra giấy chứng nhận đăng ký xe không phải do S đứng tên nên chỉ đồng ý cho S cầm thêm số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền S dùng tiền vào việc tiêu xài cá nhân. Khoảng 03-04 ngày sau đó do hết tiền tiêu xài nên S một mình tiếp tục đến tiệm cầm đồ Mạnh H2 gặp ông T cầm thêm số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền S bỏ đi

không về phòng trọ. Đến ngày 03/12/2018, bà L1 liên lạc qua điện thoại nhưng không gặp được S nên bà L1 gặp T1 để hỏi vì sao không trả xe cho bà L1. Lúc này T1 nói cho bà L1 biết S cầm xe của bà L1. Bà L1 nhiều lần liên lạc với S nhưng không được nên đến ngày 07/01/2019, bà L1 đến Công an phường T để trình báo vụ việc bị S chiếm đoạt xe mô tô 48D1 – 251.84.

Công an phường T tạm giữ đồ vật liên quan gồm: 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng S; 01 xe mô tô biển số 48D1-251.84; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 48D1-251.84 (do Nguyễn Thế T giao nộp) (BL06).

Sau khi lập hồ sơ ban đầu, Công an phường T chuyển giao hồ sơ cùng đồ vật, tài liệu liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra thị xã T (nay là thành phố T) để thụ lý theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 75/KLTS-TTHS ngày 28/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Xe mô tô biển số 48D1-251.84, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen có giá trị 15.000.000 đồng (BL31).

Đối với xe mô tô biển số 48D1-251.84, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen. Kết quả điều tra xác định xe do Nguyễn Cao C là chồng của bà Lý Thị Phương L1 đứng tên đăng ký xe. Ông C khai xe mua vào năm 2017, sau đó ông C giao cho bà L1 quản lý sử dụng (BL 56).

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 06/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T (nay là thành phố T) đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 226 trả lại xe mô tô biển số 48D1-251.84 cho ông C, ông C nhận tài sản và không yêu cầu gì khác. Ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu bị can Nguyễn Trọng S bồi thường số tiền 9.000.000 đồng (BL 61).

Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 48D1-251.84 của bà L1. S bỏ trốn khỏi địa phương và sinh sống nhiều nơi đến ngày 18 tháng 10 năm 2023, S nhận thức hành vi vi phạm pháp luật nên đến Công an thành phố T đầu thú. Ngày 21 tháng 10 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Trọng S.

Bản Cáo trạng số 85/CT-VKSTU ngày 29/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Trọng S về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Trọng S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

+ Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng S từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01

(Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm.

+ Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Trả lại một chứng minh nhân dân tên Nguyễn Trọng S,

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Nguyễn Trọng S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt hoặc có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên. Xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Trọng S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Ngày 28/11/2018, tại khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Trọng S lợi dụng sự tin tưởng của bà L1 đã mượn xe mô tô biển số 48D1-251.84, nhãn hiệu YAMAHA, màu đỏ đen, số khung RLCUE3210HY145540, số máy E3X9E337294 mang đi cầm cố ba lần với số tiền 9.000.000 đồng. Giá trị xe mô tô tại thời điểm chiếm đoạt là 15.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng S đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[4] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó, cần có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi lại trả lại cho bị hại, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[8] Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trường hợp của bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu, biết ăn năn hối cải.

[9] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo một chứng minh nhân dân tên Nguyễn Trọng S.

[11] Về phần dân sự: Đã thỏa thuận bồi thường xong.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản "

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng S 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án

(Ngày 16/4/2024) được khấu trừ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2023 đến ngày 10/12/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Trọng S cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp, người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trả lại cho bị cáo một chứng minh nhân dân tên Nguyễn Trọng S.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 01/4/2024)

3. Về phần dân sự: Đã thực hiện xong.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Nguyễn Trọng S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Công an thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**